

2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



FORIPHARM

Trào sức khỏe - Gửi niềm tin

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

Địa chỉ: Số 16 Lê Đại Hành, P.Minh Khai, Q.Hồng Bàng, Tp.Hải Phòng

Điện thoại: 02253.842.576 Fax: 02253.823.125



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

---000---
Số: 263/BC-DPTW3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

---000---
Hải Phòng, ngày 20 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2020

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

Tên tiếng Anh: Central Pharmaceutical Joint Stock Company N° 3

Tên giao dịch FORIPHARM

Giấy CNĐKKD số 0200572501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng cấp lần đầu ngày 01/12/2003

Vốn điều lệ 86.000.000.000 đồng

Địa chỉ trụ sở Số 16 Lê Đại Hành, P.Minh Khai, Q.Hồng Bàng, Hải Phòng

Nhà máy Nam Sơn Số 28 đường 351, thôn Quỳnh Hoàng, xã Nam Sơn, huyện An Dương, Hải Phòng

Số điện thoại 0225.3842576

Fax 0225.3823125

Website www.duocphamtw3.com

Logo



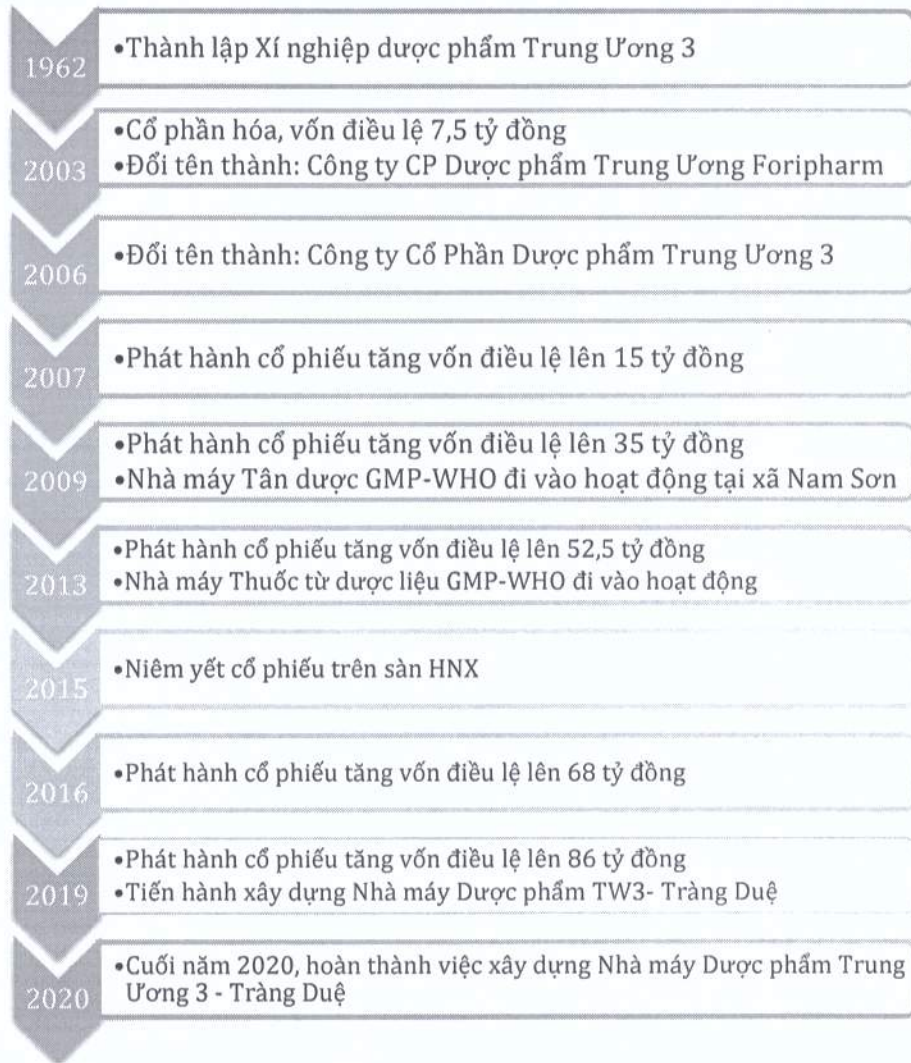
Người đại diện theo pháp luật Ông Nguyễn Đình Khải

Mã cổ phiếu DP3 (Niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 tiền thân là Xí nghiệp Dược phẩm Trung Ương 3 trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam, được thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 11/02/1962 theo quyết định số: 143/BYT-TC của Bộ Y tế - Tài chính.



2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

a. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm: sản xuất thuốc tân dược, đông dược, thực phẩm chức năng, thuốc nhỏ mắt nhỏ mũi, hóa mỹ phẩm và cho thuê văn phòng.

b. Địa bàn kinh doanh

Địa bàn hoạt động kinh doanh của Công ty trải dài theo mảnh đất hình chữ S bao gồm 3 chi nhánh của Công ty và hơn mười nhà phân phối độc quyền. Các chi nhánh hoạt

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

động độc lập theo vùng. Chi nhánh Hải Phòng phụ trách khu vực miền duyên hải phía Bắc. Chi nhánh Hà Nội phụ trách khu vực đồng bằng sông Hồng, các tỉnh vùng núi phía Bắc và khu vực miền Trung, Chi nhánh Hồ Chí Minh phụ trách khu vực miền Nam.

3. Thông tin về mô hình quản trị, bộ máy quản lý

a. Mô hình quản trị

Mô hình quản trị của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

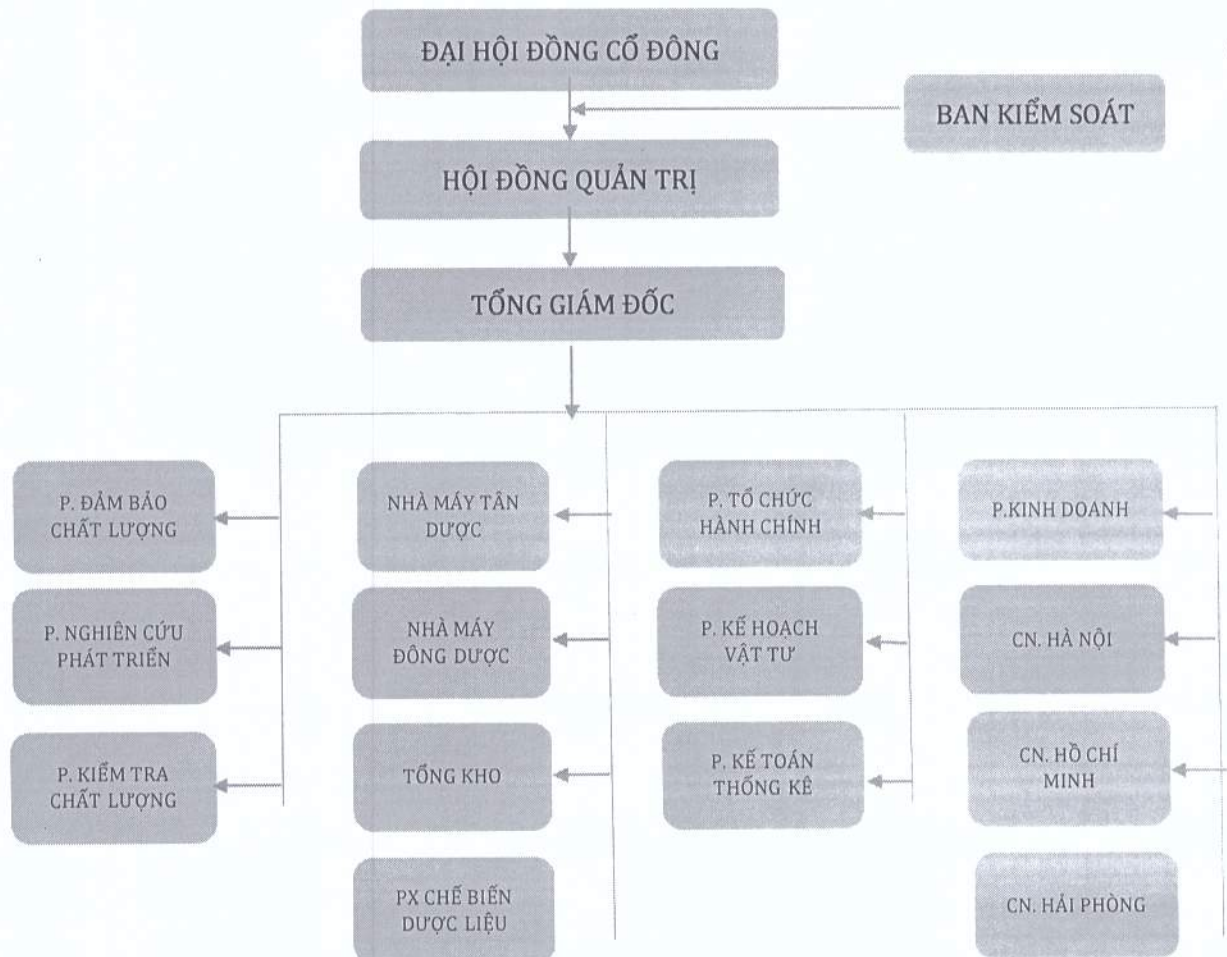
- Hội đồng Quản trị bao gồm 5 thành viên:

- + Ông Bùi Xuân Hương : Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- + Ông Nguyễn Đình Khái : Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc
- + Ông Đinh Văn Cường : Thành viên Hội đồng Quản trị
- + Ông Nguyễn Thanh Tuấn : Thành viên Hội đồng Quản trị
- + Bà Nguyễn Hồng Nhung : Thành viên Hội đồng Quản trị

- Ban kiểm soát bao gồm 3 thành viên:

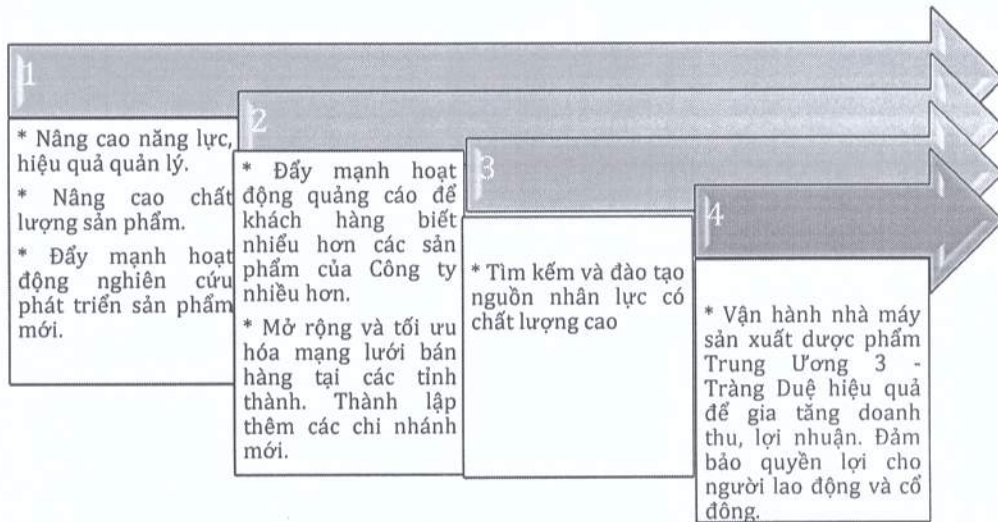
- + Bà Trương Thị Nguyệt Hoa : Trưởng ban kiểm soát
- + Ông Lê Văn Hùng : Thành viên ban kiểm soát
- + Ông Trần Anh Tuấn : Thành viên ban kiểm soát

b. Cơ cấu bộ máy quản lý



4. Định hướng phát triển

* Các mục tiêu chủ yếu của Công ty



* Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- + Hoạt động hiệu quả 3 nhà máy GMP-WHO (Tân dược; đông dược; thực phẩm bảo vệ sức khỏe, nhỏ mắt nhỏ mũi và hóa mỹ phẩm).
- + Nâng cao quản trị Công ty theo các chuẩn mực hiện đại, xây dựng hệ thống quản trị rủi ro.
- + Liên tục cải tiến hệ thống quản lý chất lượng và khai thác hiệu quả các nhà máy hiện có. Đầu tư chiều sâu về trang thiết bị hiện đại cũng như nguồn nhân lực đủ mạnh.
- + Tập trung vào nghiên cứu và phát triển các sản phẩm thuốc từ dược liệu và tân dược mới mang tính độc đáo, chất lượng, hiệu quả điều trị cao và giá thành hợp lý. Nghiên cứu và phát triển các sản phẩm thuốc nhỏ mắt nhỏ mũi, viên nang mềm, thực phẩm chức năng có chất lượng. Các nhóm sản phẩm phát triển phải đạt được tiêu chuẩn: có hàm lượng kỹ thuật cao, có tính khác biệt và giá trị vượt trội, có sức cạnh tranh cao so với các sản phẩm cùng loại cạnh tranh trên thị trường.
- + Phát triển hệ thống bán hàng lớn mạnh, chuyên nghiệp để đưa sản phẩm thương hiệu Dược phẩm 3 đến tận tay người tiêu dùng.
- + Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là đội ngũ khoa học kỹ thuật, đội ngũ bán hàng. Lấy nguồn nhân lực làm trọng tâm để thể hiện hình ảnh, văn hóa, triết lý kinh doanh mang đậm nét Dược phẩm Trung Ương 3 đến với cộng đồng.
- + Luôn nâng cao ý thức trách nhiệm với môi trường và cộng đồng, xã hội.

* Các mục tiêu phát triển bền vững

- Tăng trưởng hiệu quả và bền vững

Củng cố năng lực quản trị và quản lý kinh doanh. Đưa ra các chế độ đãi ngộ thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao. Tiếp tục bồi dưỡng, đào tạo người lao động nâng cao tay nghề và hiệu quả sản xuất.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Các chính sách trong hoạt động bán hàng luôn linh hoạt phù hợp với thực tiễn của thị trường. Nhận định và nắm bắt xu hướng nhu cầu tất yếu của thị trường để có sản phẩm tiên phong phục vụ cộng đồng.

Tiếp tục đổi mới kỹ thuật sản xuất. Đầu tư dây chuyền sản xuất hiện đại để nâng cao hiệu quả sản xuất. Đa dạng hóa sản phẩm để tăng năng lực cạnh tranh

Quản lý dòng tiền hiệu quả, không để xảy ra thất thoát.

- Đóng góp cho sự phát triển chung của xã hội

Đào tạo nguồn nhân lực có chuyên môn và trình độ cao, có khả năng tiếp cận với kỹ thuật khoa học công nghệ tiên tiến vào trong hoạt động sản xuất. Mở rộng quy mô sản xuất tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động.

Thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và xã hội thông qua các việc làm với nghĩa cử cao đẹp như các hoạt động từ thiện, hoạt động thiện nguyện để dựng xây một xã hội văn minh, giàu đẹp hơn.

- Bảo vệ môi trường

Sử dụng các nguồn năng lượng một cách hiệu quả như tắt các thiết bị điện khi không cần thiết, đưa ra kế hoạch sản xuất hợp lý cho việc vận hành máy móc, thiết bị.

Giảm thiểu lượng khí thải ra môi trường, bảo vệ môi trường cảnh quan trong Công ty vì sức khỏe của mỗi con người. Tuyên truyền, kêu gọi toàn Công ty tiết kiệm điện, nước.

5. Các rủi ro

a. Rủi ro về nguồn nhân lực

Cũng giống như các ngành kinh tế khác, nguồn lực cho sự phát triển ngành Dược còn yếu và thiếu. So với các ngành khác trong nền kinh tế ngành Dược còn yếu không những ở khâu máy móc thiết bị lạc hậu chưa được đầu tư đúng mức nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất và cung ứng sản phẩm thì vấn đề nguồn nhân lực, đội ngũ bác sĩ, dược sĩ vừa yếu lại vừa thiếu. Trong những năm gần đây, vấn đề nhân lực tuy đã được quan tâm nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của ngành Dược.

b. Rủi ro về tỷ giá hối đoái và nguồn cung nguyên liệu

Một vấn đề cần quan tâm đó là nguyên liệu của ngành Dược. Theo thống kê của bộ y tế thì hơn 90% nguyên liệu của ngành Dược đều nhập khẩu. Điều này làm cho giá thành của sản phẩm sẽ gặp nhiều rủi ro nhất là rủi ro về tỷ giá và giá nguyên liệu.

Nguồn nguyên liệu đóng vai trò vô cùng quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì thế nếu nguồn cung nguyên liệu không có tính ổn định sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong sản xuất thuốc Đông dược nguồn nguyên liệu chính là các dược liệu. Tuy nhiên dược liệu có tính thời vụ và chất lượng dược liệu phụ thuộc rất nhiều vào khí hậu, đất đai... Việc lựa chọn nhà cung cấp dược liệu tốt để không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm là công tác rất quan trọng của nhà sản xuất.

Nguyên liệu của Công ty đa số nhập khẩu từ nước ngoài. Những biến động của nền kinh tế thế giới như tỷ giá hối đoái, giá xăng dầu, thiên tai ... chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến giá nguyên liệu

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

đầu vào. Trong khi sức ép cạnh tranh ở trong nước lớn, Công ty không thể tăng giá bán do đó ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

Để đảm bảo mọi hoạt động sản xuất diễn ra ổn định, Công ty luôn phải có kế hoạch dự trữ nguồn nguyên liệu cùng với đó chú trọng khâu bảo quản để không bị ảnh hưởng đến chất lượng dược liệu. Đồng thời, Công ty phải có chiến lược linh hoạt lựa chọn thời điểm phù hợp nhập khẩu nguyên liệu để giảm thiểu những rủi ro từ tỷ giá gây ra.

c. Rủi ro gây ra bởi dịch bệnh, thiên tai

Trong năm 2020, ảnh hưởng tiêu cực từ bệnh viêm phổi cấp chủng mới Corona (Covid 19) đã tác động không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Các quy định về dân cách xã hội do bệnh viêm phổi cấp chủng mới Corona (Covid – 19) đã gây ra những tác động xấu:

+ Nguồn cung nguyên liệu đầu vào cho sản xuất của Công ty bị gián đoạn.

+ Hoạt động kinh doanh gặp khó khăn:

✓ Thị trường bán lẻ (OTC): do không thể tiếp cận khách hàng nên doanh thu giảm.

✓ Đấu thầu thuốc vào bệnh viện (ETC): dù trúng thầu những không bán được hàng do người dân hạn chế đến bệnh viện khám chữa bệnh nên bệnh viện, bảo hiểm dừng đặt hàng. ..

- Thị trường miền Trung bị tê liệt do ảnh hưởng của lũ lụt.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020		
		Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Thực hiện / Kế hoạch
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	400	395,721	98,93%
Tổng lợi nhuận	Tỷ đồng	68	142,959	210%
Cổ tức	%	Tối thiểu 40%	80%	

2. Tổ chức và nhân sự

a. Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Nguyễn Đình Khái	Tổng giám đốc	1.194.940	13,89%
2	Trần Thị Hà Thu	Kế toán trưởng	5.060	0,06%

b. Số lượng cán bộ công nhân viên và chính sách với người lao động

Tại thời điểm 31/12/2020, tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty là 313 người, trong đó:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

STT	Phân loại theo trình độ	Số lượng lao động	Chiếm tỷ lệ (%)
1	Thạc sĩ	2	0.64
2	Đại học	97	30.99
2	Cao đẳng	32	10.22
3	Trung cấp	126	40.26
4	Sơ cấp, lao động phổ thông	56	17.89
	Tổng số	313	100

Chính sách với người lao động

☞ Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày và 48h/tuần, nghỉ trưa 1h.

Đối với công nhân trực tiếp sản xuất. Nếu thực hiện chế độ ngày làm việc 3 ca, mỗi ca không quá 8 giờ và được nghỉ ít nhất 12 giờ trước khi làm ca tiếp theo.

Đối với lái xe chế độ làm việc không ổn định thì tùy theo kế hoạch công việc của phòng, mà sắp xếp đề người lao động làm việc, tối đa làm thêm không quá 4h/ngày.

Các trường hợp lao động làm việc trong điều kiện nặng nhọc, độc hại thì thời gian làm việc nghỉ ngơi được thực hiện theo quy định của Nhà nước.

Khi có yêu cầu đột xuất về tiến độ sản xuất, kinh doanh các nhân viên của Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ. Công ty đảm bảo quyền lợi của người lao động theo quy định của nhà nước và có chế độ đãi ngộ thỏa đáng.

Thời gian nghỉ ốm, nghỉ thai sản, nghỉ phép đảm bảo đúng theo quy định của Bộ Luật lao động.

Điều kiện làm việc: người lao động được trang bị đầy đủ các phương tiện để làm việc như: bảo hộ lao động, máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất... Văn phòng, nhà xưởng khang trang, sạch sẽ.

☞ Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Công ty chú trọng công tác tuyển dụng và đào tạo; coi yếu tố con người là giá trị cốt lõi tạo nên sự phát triển của doanh nghiệp. Dựa trên những yêu cầu và đòi hỏi trong hoạt động sản xuất kinh doanh mà công ty tuyển dụng nguồn nhân sự phù hợp và đáp ứng được yêu cầu của công việc

Đối với nhân sự mới : trước khi vào làm việc, người lao động được đào tạo kiến thức an toàn vệ sinh lao động, công tác phòng chống cháy nổ. Riêng đối với người trực tiếp sản xuất được đào tạo kiến thức về GMP.

Trong quá trình làm việc, người lao động được hướng dẫn, đào tạo kiến thức chuyên môn để nâng cao tay nghề. Đối với công nhân được, Công ty tổ chức đào tạo, kiểm tra trước khi tổ chức thi lên bậc lương.

☞ Chính sách lương thưởng, phúc lợi và bảo hiểm xã hội

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty thực hiện chính sách trả lương và đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của Bộ Luật lao động hiện hành. Tùy vào từng trường hợp người lao động mà có chính sách trả lương riêng đảm bảo quyền lợi của người lao động.

Hàng năm Công ty thực hiện chính sách thưởng cho người lao động theo kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm và cả năm theo tiêu chí bình bầu A+, A, B, C. Công ty lập hội đồng xét thưởng để đảm bảo sự công bằng và đảm bảo quyền lợi tối đa cho người lao động. Các ngày lễ tết trong năm, người lao động đều được thưởng, mức thưởng phụ thuộc vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tại từng thời điểm.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Quý IV năm 2020, giai đoạn 1 của Nhà máy Dược phẩm Trung Ương 3 – Trảng Dục đã hoàn thành việc xây dựng, nhà máy gồm 03 dây chuyền sản xuất: dây chuyền sản xuất thuốc nhỏ mắt, nhỏ mũi; dây chuyền Thực phẩm bảo vệ sức khỏe và dây chuyền Hóa mỹ phẩm. Dây chuyền Thực phẩm bảo vệ sức khỏe đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, đạt yêu cầu thực hành sản xuất tốt (GMP). Dự kiến trong quý I, quý II năm 2021, Công ty sẽ tiến hành thực hiện các bước để thẩm định dây chuyền sản xuất thuốc nhỏ mắt, nhỏ mũi và dây chuyền Hóa mỹ phẩm đạt yêu cầu thực hành sản xuất tốt (GMP).

4. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	369.180.679.271	441.359.051.536	+ 19,5%
Doanh thu thuần	410.804.290.746	395.721.424.393	- 3,67%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	103.436.618.876	142.427.225.662	+ 37,7%
Lợi nhuận khác	138.901.481	532.406.585	+ 283,3%
Lợi nhuận trước thuế	103.575.520.357	142.959.632.247	+ 38%
Lợi nhuận sau thuế	82.721.779.366	114.060.508.657	+ 37,88%
Tỷ lệ trả cổ tức	70%	80%	+ 14,2%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	3,59	2.68
	- Hệ số thanh toán nhanh: (TS ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	2,76	2.09
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	18.28	21.50

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

	- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	22,37	27,40
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	- Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	2,58	2,17
	- Vòng quay tổng tài sản: (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Lần	1,35	0,98
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	20,14	28,82
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	27,42	32,92
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	27,17	28,14
	- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	25,18	35,99

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

- Tổng số cổ phần: 8.600.000 cổ phần
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 8.600.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế: 0 cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông

Danh mục	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Tổng số cổ phần	8.600.000	100
1. Theo tỷ lệ sở hữu		
- Cổ đông lớn (Sở hữu trên 5%)	4.954.094	57,6
- Cổ đông nhỏ (Sở hữu dưới 5%)	3.645.906	42,4
2. Theo loại hình sở hữu		
- Cổ đông tổ chức	2.557.589	29,74%
- Cổ đông cá nhân	6.042.411	70,26%
3. Theo trong và ngoài nước		
- Cổ đông trong nước	8.561.040	99,54%
- Cổ đông nước ngoài	38.960	0,46%
4. Theo nhà nước và cổ đông khác		
- Cổ đông nhà nước	0	0

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

- Cổ đông khác

8.600.000

100%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập của Dược phẩm Trung Ương 3 là:

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (triệu đồng)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
Ban đầu			7.500		Giấy chứng nhận ĐKKD cấp lần đầu ngày 01/12/2003 do Sở KH&ĐT Hải Phòng cấp.
Lần 1	18/04/2007	7.500	15.000	Phát hành ra công chúng và phát hành riêng lẻ	Giấy chứng nhận ĐKKD đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 18/04/2007 do Sở KH&ĐT Hải Phòng cấp.
Lần 2	16/10/2007	10.000	25.000	Phát hành ra công chúng	GCN đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 153/UBCK-GCN ngày 24/08/2007 của UBCKNN;
Lần 3	15/03/2010	10.000	35.000	Phát hành ra công chúng	GCN đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 490/UBCK-GCN ngày 12/01/2010 của UBCKNN;
Lần 4	31/12/2013	17.500	52.500	Phát hành ra công chúng	GCN đăng ký chào bán cổ phiếu số 65/UBCK-GCN ngày 26/11/2013 của UBCKNN;
Lần 5	25/02/2016	15.500	68.000	Phát hành ra công chúng	GCN đăng ký chào bán cổ phiếu số 101/UBCK-GCN ngày 14/12/2015 của UBCKNN;
Lần 6	28/03/2019	18.000	86.000	Phát hành ra công chúng	GCN đăng ký chào bán cổ phiếu số 81/GCN-UBCK ngày 27/12/2018 của UBCKNN

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Năm 2020 tổng lượng bao bì sử dụng của Dược phẩm Tw3 là: 186.552.476 (cái) tương đương với 33 tỷ đồng.

Các nguyên vật liệu sử dụng đều khoán định mức sử dụng và đăng ký chỉ tiêu giảm hao hụt do không phù hợp. Bên cạnh đó, trước khi nhập kho các nguyên vật liệu đều được kiểm tra nghiêm ngặt đảm bảo nguyên vật liệu đầu vào đạt chất lượng tốt nhất.

6.2. Tiêu thụ năng lượng

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Chi phí năng lượng ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Chính vì vậy tiết kiệm năng lượng là mục tiêu hàng đầu của Dược phẩm Tw3 nhằm đem lại lợi nhuận cao hơn. Công ty luôn nhắc nhở người lao động phải tiết kiệm năng lượng, sử dụng một cách phù hợp và đúng lúc, đúng chỗ; tắt khi không sử dụng.

Sử dụng điện cho hoạt động sản xuất và sinh hoạt

Năm 2020, tổng tiền điện sử dụng cho hoạt động sản xuất và sinh hoạt của Công ty là 2,855 tỷ đồng tăng 5% so với năm 2019 do Công ty áp dụng các quy định phù hợp trong việc sử dụng điện.

Bảng tiêu thụ điện năng năm 2019, 2020

Chi tiêu	Năm 2019	Năm 2020
	(Triệu vnd)	(Triệu vnd)
Điện	2.705	2.855

Sử dụng than để đốt lò hơi

Tổng lượng than tiêu thụ trong năm 2020 là tương 329 m³ đương với 1007 triệu đồng.

Bảng sử dụng lượng than từ năm 2018 – 2020

Chi tiêu	Đơn vị	2018		2019		2020	
		Lượng sử dụng	Thành tiền (Triệu đồng)	Lượng sử dụng	Thành tiền (Triệu đồng)	Lượng sử dụng	Thành tiền (Triệu đồng)
Than kíp lê	Tấn	275	965	247	803	329	1007

6.3. Tiêu thụ nước

Ngày 22 tháng 3 hằng năm được Liên Hợp Quốc chọn là Ngày Nước thế giới. Tại ngày này, các quốc gia trên thế giới và Việt Nam đều tổ chức các hoạt động chào mừng để kêu gọi sự quan tâm của cộng đồng trên toàn thế giới về tầm quan trọng của tài nguyên nước và vận động chính sách về quản lý bền vững tài nguyên nước, đặc biệt là các nguồn nước ngọt. Hiện nay tình trạng thiếu nước ngọt trên thế giới nghiêm trọng hơn nhiều so với nhiều người nghĩ. Hiểu được tầm quan trọng của việc tiết kiệm nước, Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 luôn đề cao việc sử dụng nước một cách hợp lý, không lãng phí khi sử dụng.

Nguồn nước

Nguồn nước mà các nhà máy đang sử dụng là nguồn nước thủy cục được cung cấp bởi Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng.

Khối lượng tiêu thụ nước tại Nhà máy Nam Sơn

Năm 2020, Tổng lượng nước tiêu thụ trong quá trình sản xuất tại Nhà máy Nam Sơn là 40.717,6 m³ tăng 17% so với năm 2019.

Bảng thống kê lượng nước tiêu thụ năm 2019, 2020

Chi tiêu	Năm 2019		Năm 2020	
	Tiêu thụ (m ³)	Thành tiền (Triệu đồng)	Tiêu thụ (m ³)	Thành tiền (Triệu đồng)
Nước	34.674	420	40.717,6	472,82

* Nguyên nhân của việc sử dụng điện, nước, than tăng là do năm 2020 Công ty sản xuất nhiều mặt hàng hơn so với năm 2019.

6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Năm 2020, Công ty không vi phạm các quy định của pháp luật về môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a. Tổng số lượng lao động tại ngày 31/12/2020 của Công ty là 313 người với mức thu nhập bình quân đầu người là 17.155.198 đồng/tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Quan hệ lao động

Mối quan hệ giữa Công ty và người lao động được xây dựng trên tinh thần tự nguyện phù hợp với Luật pháp Việt Nam.

- Tất cả người lao động đều được ký hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật, được tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.
- Hằng năm, người lao động được khám bệnh miễn phí để đảm bảo sức khỏe khi làm việc.
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 cam kết không sử dụng lao động trẻ em.
- Thỏa ước lao động tập thể được áp dụng trong toàn bộ cán bộ công nhân viên trong công ty.

An toàn vệ sinh lao động

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 tiếp tục duy trì các hoạt động để đảm bảo an toàn lao động như:

- 100% người lao động được trang bị bảo hộ lao động và được tập huấn về vệ sinh an toàn lao động trước khi bắt đầu vào làm việc tại Công ty. Việc cấp phát bảo hộ lao động cho người lao động được thực hiện theo đúng quy trình, tiến độ, đúng định mức đã xây dựng. Các thiết bị bảo hộ lao động đều được kiểm tra cẩn thận, đảm bảo chất lượng trước khi nhập kho hoặc bàn giao cho người lao động.
- Công tác kiểm tra an toàn lao động được bộ phận chuyên trách là Ban An toàn thực hiện hàng ngày (gồm ATLĐ, PCCC, MT). Khi phát sinh các yếu tố nguy hiểm, Ban an toàn sẽ thông báo ngay tới các đơn vị liên quan để khắc phục kịp thời. Bên cạnh đó, hàng tháng, Công ty đều tiến hành kiểm tra công tác an toàn lao động trong toàn Công ty. Đến thời điểm hiện tại không phát sinh bất kỳ vấn đề nghiêm trọng nào về ATLĐ.
- Nhằm nâng cao ý thức bảo vệ an toàn về người và tài sản, Công ty đã tổ chức các đợt huấn luyện chuyên đề nhằm trang bị cho người lao động kỹ năng ứng phó với tình huống khẩn cấp về ATLĐ-MT-PCCC gồm:
 - + Tập huấn về phòng chống cháy nổ
 - + Tập huấn ứng phó cháy tràn hóa chất
 - + Tập huấn sơ cứu ban đầu cho đội sơ cứu viên cơ sở
 - + Cử cán bộ phụ trách an toàn tham gia khóa đào tạo giảng viên huấn luyện an toàn theo quy định.

Bảo hiểm cho người lao động

Công ty tiếp tục thực hiện các gói bảo hiểm y tế cho người lao động theo đúng quy định của Luật pháp Việt Nam nhằm mang đến cho người lao động những điều kiện tốt nhất. Bên cạnh đó, 100% người lao động trong công ty được mua bảo hiểm tai nạn 24/24h.

Hoạt động chăm sóc sức khỏe

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Các hoạt động hỗ trợ về chăm sóc và đảm bảo sức khỏe cho cán bộ công nhân viên tiếp tục được duy trì trong năm 2020:

- Tổ chức và cung cấp các bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm. Thực phẩm chế biến đồ ăn đều được cung cấp từ các đơn vị uy tín, đảm bảo thực phẩm luôn tươi ngon. Bên cạnh đó, quá trình sơ chế thức ăn đảm bảo tuân thủ quy tắc bếp ăn một chiều để thực phẩm không bị nhiễm khuẩn.
- Chương trình khám sức khỏe định kỳ cho người lao động được thực hiện 1 năm 1 lần.

Tổ chức công đoàn

Công đoàn là tổ chức đại diện cho quyền lợi và lợi ích của người lao động, được Công ty tổ chức ở tất cả các đơn vị hoạt động. Người lao động được khuyến khích và tạo mọi điều kiện tốt nhất để tham gia công đoàn.

Cơ chế ghi nhận thông tin

Người lao động có thể đưa ra khiếu nại của bản thân thông qua công đoàn cơ sở tại đơn vị. Sau đó công đoàn cơ sở báo cáo lên công đoàn Công ty.

Cơ chế giải quyết các tranh chấp lao động

Cơ chế giải quyết các tranh chấp lao động được Công ty xác lập thành quy định chính thức và phổ biến đến toàn bộ nhân viên. Việc giải quyết luôn đảm bảo có sự tham gia của Công đoàn để đảm bảo tính công bằng, minh bạch. Hội đồng hòa giải của Công ty được thiết lập theo quy định của pháp luật và có sự tham gia của cả đại diện người sử dụng lao động và đại diện cho người lao động.

Công bằng thù lao cho nam và nữ

Công ty có chế độ đối xử và đãi ngộ công bằng với tất cả người lao động. Chính sách về tiền lương, thu nhập cho nhân viên luôn được xem xét và cập nhật để đảm bảo luôn duy trì được các giá trị. Tùy vào từng trường hợp người lao động mà có chính sách trả lương riêng đảm bảo quyền lợi của người lao động.

Chính sách tiền lương, thu nhập của Công ty được xây dựng phù hợp với giá trị tạo ra của từng vị trí công việc. Tại Công ty, không có sự khác biệt về chính sách tiền lương, thu nhập giữa nam và nữ.

Hàng năm Công ty thực hiện chính sách thưởng cho người lao động theo kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm và cả năm theo tiêu chí bình bầu A+ABC. Công ty lập hội đồng xét thưởng để đảm bảo sự công bằng và đảm bảo quyền lợi tối đa cho người lao động. Các ngày lễ tết trong năm, người lao động đều được thưởng, mức thưởng phụ thuộc vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tại từng thời điểm.

c. Hoạt động đào tạo người lao động

Công ty chú trọng công tác tuyển dụng và đào tạo; coi yếu tố con người là giá trị cốt lõi tạo nên sự phát triển của doanh nghiệp. Dựa trên những yêu cầu và đòi hỏi trong hoạt động sản xuất kinh doanh mà công ty tuyển dụng nguồn nhân sự phù hợp và đáp ứng được yêu cầu của công việc.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Đối với nhân sự mới: trước khi vào làm việc, người lao động được đào tạo kiến thức an toàn vệ sinh lao động, công tác phòng chống cháy nổ. Riêng đối với người trực tiếp sản xuất được đào tạo kiến thức về GMP.

Trong quá trình làm việc, người lao động được hướng dẫn, đào tạo kiến thức chuyên môn để nâng cao tay nghề. Đối với công nhân dược, Công ty tổ chức đào tạo, kiểm tra trước khi tổ chức thi lên bậc lương.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng

Năm 2020, tập thể CBCNV Dược phẩm Trung Ương 3 đã tham gia cùng người dân cả nước chung tay hỗ trợ lũ lụt tới đồng bào miền Trung và ủng hộ phòng chống dịch Covid – 19 với tổng mức hỗ trợ là 200 triệu đồng.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh so với kế hoạch và so với cùng kỳ

Chỉ tiêu	Thực hiện		Kế hoạch năm 2020 (ĐVT: tỷ đồng)	Tỷ lệ TH/KH năm 2020 (%)	Thực hiện của năm 2020/2019 (%)
	Năm 2019 (ĐVT: tỷ đồng)	Năm 2020 (ĐVT: tỷ đồng)			
Tổng doanh thu	423	395,721	400	98,93	93,55
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	103	142,959	68	210	138,8

Năm 2020 là một năm khó khăn và thách thức với Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 khi chịu ảnh hưởng kép tiêu cực từ dịch bệnh viêm phổi cấp chủng mới Corona (Covid 19) và lũ lụt miền Trung. Doanh thu năm 2020 có sự giảm nhẹ so với năm 2019, tuy nhiên với chính sách điều tiết hợp lý chi phí quảng cáo đã giúp cho lợi nhuận của Công ty đạt được con số ấn tượng – tăng trưởng 138,8% so với năm 2019 và đạt 210% so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông 2019 đề ra.

2. Tình hình tài chính

Dược phẩm Tw3 luôn thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước về chế độ hạch toán kế toán. Năm 2020, Công ty đã kiểm soát dòng tiền, nguồn tiền, tài sản hiệu quả không để xảy ra thất thoát; nguồn vốn, tài sản của Công ty được bảo toàn.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Thành lập thêm các chi nhánh tại các địa bàn kinh doanh thuộc khu vực Tây Nam Bộ, Tây Nguyên, Bắc miền Trung.
- Tập trung nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.
- Khai thác tối đa công suất hoạt động của Nhà máy Dược phẩm Trung Ương 3 – Trảng Duệ giai đoạn 1 và trong tương lai gần xây dựng thêm dây chuyền sản xuất công nghệ cao.

4. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

4.1. Xử lý nước thải

- Công trình xử lý: Hệ thống xử lý nước thải công suất 60m³/ ngày đêm

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

- Lượng nước thải phát sinh (tính trung bình theo năm 2020) : 52,8 m³/ngày đêm.

- Kết quả quan trắc nước thải:

TT	Ký hiệu điểm quan trắc	Ký hiệu mẫu	Nhóm thông số						Giá trị QCVN/TCVN hiện hành
			Thông số	Đơn vị đo	Giá trị đo				QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B)
					T3	T6	T9	T12	
1	Nước thải tại hố ga cuối cùng của Công ty ra ngoài môi trường khu vực	NT1	pH	-	7,15	6,81	7	7	5,5-9
			Nhiệt độ	°C	24,3	24,1	26,9	24,1	40
			Mùi	-	Mùi hôi nhẹ	Mùi hôi nhẹ	Mùi hôi nhẹ	Mùi hôi nhẹ	-
			Màu	Pt-Co/l	83,2	50	97,05	110,8	150
			TSS	mg/l	67,4	61	40,5	52,8	100
			COD	mg/l	82,4	108,8	83,2	115,3	150
			BOD5	mg/l	47,8	43,6	46,6	47,3	50
			Amoni	mg/l	8,84	3,48	0,58	0,42	100
			Clo dư	mg/l	KPH	0,26	KPH	1,77	2
			Tổng N	mg/l	30,3	34,16	21,3	25,2	40
			Tổng P	mg/l	4,54	5,35	3,69	1,44	6
			Xianua	mg/l	KPH	0,005	KPH	KPH	0,1
			As	mg/l	KPH	0,006	KPH	KPH	0,1
			Hg	mg/l	KPH	0,0007	KPH	KPH	0,01
			Pb	mg/l	KPH	0,013	KPH	KPH	0,5
			Cd	mg/l	KPH	<0,0004	KPH	KPH	0,1
			Dầu mỡ khoáng	mg/l	<0,9	2	1,27	2,02	10
			Tổng Phenol	mg/l	KPH	0,06	KPH	KPH	0,5
Coliforms	MNP/100 ml	4600	3600	3600	2800	5.000			

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

- Kết luận: Căn cứ theo kết quả quan trắc mẫu nước thải tại hố ga thu gom cuối cùng, nồng độ các chỉ tiêu phân tích đều thấp hơn QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B).

4.2. Xử lý khí thải

- Tại xưởng sản xuất bố trí đầy đủ hệ thống thông gió tự nhiên và cưỡng bức (quạt hút).
- Kết quả quan trắc khí thải:

TT	Ký hiệu điểm quan trắc	Ký hiệu mẫu	Nhóm thông số						Giá trị QCVN/TCVN hiện hành
			Thông số	Đơn vị đo	Giá trị đo				QCVN 19:2009/BTNMT; QCVN 20:2009/BTNMT
					T3	T6	T9	T12	
1	Ống khói nổi hơi	KT1	Nhiệt độ	°C	245,3	88	157	105	-
			Lưu lượng	m ³ /h	9827	8310	9891	2195	-
			Bụi	mg/Nm ³	8,3	59	13,5	15,35	200
			SO ₂	mg/Nm ³	228,4	127	337,98	326,62	500
			CO	mg/Nm ³	887,3	194	891,48	814,94	1000
			NO _x	mg/Nm ³	59,7	141	154,78	120,32	850
2	Ống khói tháp xử lý khí dầu xoa	KT2	Nhiệt độ	°C	23,8	33,8	23	26	-
			Lưu lượng	m ³ /h	3800	5620	>10000	1899	-
			Bụi	mg/Nm ³	7,2	38	9,37	9,26	200
			SO ₂	mg/Nm ³	KPH	153	2,62	2,62	500
			CO	mg/Nm ³	7,03	246	46,36	10,26	1000
			NO _x	mg/Nm ³	4,16	162	5,64	3,76	850
3	Ống thoát khí thải phòng kiểm tra chất lượng.	KT3	Nhiệt độ	°C	-	30,5	26,3	25	-
			Lưu lượng	m ³ /h	-	5265	7912	1068	-
			Bụi	mg/Nm ³	-	41	7,2	7,56	200
			SO ₂	mg/Nm ³	-	108	2,62	5,24	500
			CO	mg/Nm ³	-	154	7,6	6,84	1000
			NO _x	mg/Nm ³	-	122	5,64	3,634	850
			HCl	mg/Nm ³	-	17,35	<6	<6	50
			H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	-	16,91	<6	<6	50

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

	Cloroform	mg/Nm ³	-	3,5	2,2	2,2	240
	Ethanol	mg/Nm ³	-	-	-	-	-
	Ethyl Acetat	mg/Nm ³	-	152,1	0,8	0,8	1400
	Methanol	mg/Nm ³	-	14,9	1,1	1,2	260
	Toluen	mg/Nm ³		39,25	2,4	2,5	750

- **Kết luận:** Căn cứ theo kết quả quan trắc 3 mẫu khí tại công ty cho thấy: nồng độ các chỉ tiêu phân tích đều thấp hơn tiêu chuẩn hiện hành tại QCVN 19:2009/BTNMT; QCVN 20:2009/BTNMT.

4.3. Xử lý không khí

- Tại xưởng sản xuất bố trí đầy đủ hệ thống điều hòa không khí, lọc gió trung tâm, đảm bảo môi trường làm việc và thải không khí ra bên ngoài đạt tiêu chuẩn.

- Kết quả quan trắc môi trường không khí tại các nhà xưởng:

TT	Ký hiệu điểm quan trắc	Ký hiệu mẫu	Nhóm thông số						Giá trị QCVN/TCVN hiện hành
			Thông số	Đơn vị đo	Giá trị đo				QCVN 24:2016/BYT; QCVN 26:2016/BYT
					T3	T6	T9	T12	
1	Phòng dập viên	K1	Nhiệt độ	°C	23,1	28,9	-	25,4	18-32
			Độ ẩm	%RH	58,7	56,7	-	64,1	40-80
			Tốc độ gió	m/s	0,24	0,1	-	0,31	0,2-1,5
			Tiếng ồn	dBA	91,1	69	-	84,2	85
			Bụi lơ lửng	mg/m ³	0,339	0,162	-	0,964	8
2	Phòng đóng nang	K2	Nhiệt độ	°C	23,4	28,5	25,3	25,3	18-32
			Độ ẩm	%RH	52,3	50,4	50,2	69,3	40-80
			Tốc độ gió	m/s	0,4	0,1	0,25	0,39	0,2-1,5
			Tiếng ồn	dBA	84,3	82,1	84,9	83,8	85
			Bụi lơ lửng	mg/m ³	0,159	0,146	0,09	0,319	8
3	Phòng ép vỉ	K3	Nhiệt độ	°C	22,1	29	25,4	-	18-32
			Độ ẩm	%RH	56,3	54,2	51,4	-	40-80
			Tốc độ gió	m/s	0,27	0,1	0,36	-	0,2-1,5

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

			Tiếng ồn	dBA	88,3	77,2	84,7	-	85
			Bụi lơ lửng	mg/m ³	0,138	0,151	0,084	-	8
4	Phòng pha chế thuốc nước	K4	Nhiệt độ	°C	22,7	29,7	25,2	28,2	18-32
			Độ ẩm	%RH	59,7	52,8	57,2	62,8	40-80
			Tốc độ gió	m/s	0,25	0,1	0,26	0,51	0,2-1,5
			Tiếng ồn	dBA	84,8	73,7	81,2	71,5	85
			Bụi lơ lửng	mg/m ³	0,162	0,129	0,076	0,235	8
5	Phòng kiểm tra chất lượng	K5	Nhiệt độ	°C	23,9	28,5	26,4	26,4	18-32
			Độ ẩm	%RH	71,7	59,1	62,1	54,2	40-80
			Tốc độ gió	m/s	0,23	0,1	0,36	0,36	0,2-1,5
			Tiếng ồn	dBA	69,2	60,5	73,8	63,4	85
			Bụi lơ lửng	mg/m ³	0,072	0,119	0,061	0,205	8
			SO ₂	mg/m ³	<0,26	0,142	<0,26	<0,26	10
			NO ₂	mg/m ³	<0,19	0,098	<0,19	<0,19	10
			CO	mg/m ³	-	3,17	<1,14	<1,14	40
			HCl	mg/m ³	<0,299	0,05	<0,29	<0,29	7,5
			H ₂ SO ₄	mg/m ³	<0,5	0,08	<0,5	<0,5	2
			Cloroform	mg/m ³	<1,47	0,11	0,2	0,2	20
			Ethanol	mg/m ³	<94,6	62,3	<94,07	<94,07	3000
			Ethyl Acetat	mg/m ³	1,8	0,13	1,7	1,7	-
			Methanol	mg/m ³	<2,63	0,09	<2,62	<2,62	100
			Toluen	mg/m ³	<18,8	0,37	<3,762	<3,762	300
			Axetonitril	mg/m ³	0,23	0,25	0,23	0,24	-
			Axit Acetic	mg/m ³	0,88	0,11	0,88	0,88	35
Dichloro methane	mg/m ³	0,56	0,58	0,55	0,55	-			
n-Butanol	mg/m ³	<6,08	1,63	<30,26	<30,26	150			
n-Hexan.	mg/m ³	<7,07	0,71	<12,8	<12,8	90			

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

6	Phòng chiết xuất	K6	Nhiệt độ	°C	24,3	29,6	26,5	25,7	18-32
			Độ ẩm	%RH	76,7	63,7	63,9	67,8	40-80
			Tốc độ gió	m/s	0,28	0,1	0,43	0,31	0,2-1,5
			Tiếng ồn	dBA	82,8	72,5	80,5	75,8	85
			Bụi lơ lửng	mg/m ³	0,201	0,121	0,420	0,228	8
7	Phòng cao xoa	K7	Nhiệt độ	°C	23,6	28,6	25,4	22,7	18-32
			Độ ẩm	%RH	73,5	54,9	59,9	49,3	40-80
			Tốc độ gió	m/s	0,29	0,1	0,28	0,35	0,2-1,5
			Tiếng ồn	dBA	67,2	78,6	75,8	64,9	85
			Bụi lơ lửng	mg/m ³	0,234	0,118	0,062	0,236	8
8	Phòng pha chế hoàn mềm	K8	Nhiệt độ	°C	23,7	29,3	25,8	24,8	18-32
			Độ ẩm	%RH	64,2	55,7	49,9	57,1	40-80
			Tốc độ gió	m/s	0,25	0,1	0,34	0,32	0,2-1,5
			Tiếng ồn	dBA	84,4	60,8	82,7	77,6	85
			Bụi lơ lửng	mg/m ³	0,159	0,135	0,098	0,998	8
9	Phòng pha dịch bao	K9	Nhiệt độ	°C	23,6	27,5	25,7	25,7	18-32
			Độ ẩm	%RH	43,1	52,7	49,8	57,3	40-80
			Tốc độ gió	m/s	0,2	0,1	0,32	0,25	0,2-1,5
			Tiếng ồn	dBA	72,6	68,5	76,5	65,8	85
			Bụi lơ lửng	mg/m ³	0,573	0,127	0,075	0,210	8
			Ethanol	mg/m ³	<KPH	16,3	<94,07	<94,07	3000

- **Kết luận:** Căn cứ theo kết quả quan trắc các mẫu không khí tại công ty cho thấy: nồng độ các chỉ tiêu phân tích đều thấp hơn tiêu chuẩn hiện hành tại QCVN 24:2016/BYT, QCVN 26:2016/BYT, QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT.

5. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- Lực lượng lao động của Công ty được trẻ hóa và có trình độ là động lực lớn cho sự phát triển lâu dài của Công ty.
- Trước khi vào làm việc, 100% lao động được đào tạo lại.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

- Trong năm 2020, Công ty không có phát sinh trường hợp vi phạm quy định, quy chế làm việc của Công ty.

- Mặc dù năm 2020 là một năm khó khăn và đầy biến động nhưng việc làm cho người lao động vẫn được đảm bảo.

6. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Chiến lược phát triển bền vững của Dược phẩm Trung Ương 3 được xây dựng dựa trên sự đảm bảo hài hòa của ba yếu tố là phát triển kinh tế, hỗ trợ cộng đồng và bảo vệ môi trường. Dược phẩm Trung Ương 3 luôn đặt yếu tố con người là yếu tố then chốt trong định hướng phát triển bền vững. Dược phẩm Trung Ương 3 luôn chú trọng đầu tư phát triển nguồn nhân lực đặc biệt là thế hệ trẻ kế cận cho tương lai.

- Mỗi năm, các CBCNV của Công ty cùng nhau chung tay ủng hộ những đồng bào gặp khó khăn do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

1.1. Công tác sản xuất – vật tư – tiêu thụ sản phẩm

Công ty đã tích cực chủ động trong công tác cung ứng vật tư, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Tiếp tục thực hiện quảng cáo một số sản phẩm trên các phương tiện truyền thông. Năm 2020 là một năm chứa nhiều thách thức đối với ngành dược do việc sản phẩm bị làm giả, dịch bệnh và thiên tai đã ảnh hưởng rất nhiều đến Công ty.

Cả 3 chi nhánh (Hải Phòng, Hà Nội, Hồ Chí Minh) có hệ thống bán hàng tốt.

1.2. Công tác đảm bảo chất lượng – kiểm tra chất lượng - nghiên cứu phát triển

Kiên định thực hiện chiến lược sản xuất, tiêu thụ sản phẩm có chất lượng tốt, giá cả hợp lý gắn với thương hiệu TW3 và chiến lược ổn định, phát triển lâu dài của Công ty đã tiếp tục tạo được niềm tin cho khách hàng.

Thực hiện nghiêm túc đầy đủ quy trình sản xuất, thường xuyên kiểm tra giám sát việc thực hiện quy trình quy phạm trong sản xuất, việc chấp hành các quy chế trong bảo quản, tồn trữ và lưu thông.

Kiểm tra 100% nguyên vật liệu, hàng hóa nhập kho và thành phẩm xuất xưởng, thường xuyên kiểm tra kiểm soát việc thực hiện quy trình quy phạm nhằm mục đích ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Công tác nghiên cứu phát triển được xác định là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng trong chiến lược lâu dài, bền vững của Công ty.

1.3. Công tác tài chính – đầu tư

Công tác hạch toán quản trị, hạch toán kế toán thực hiện kịp thời và chính xác là cơ sở để điều hành sản xuất và kinh doanh hiệu quả

Thực hiện nghiêm chỉnh quy định của Nhà nước về chế độ hạch toán kế toán. Năm 2020, Công ty đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật và nghị quyết

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Đại hội đồng cổ đông 2020 đề ra. Kết quả hạch toán sản xuất kinh doanh năm 2020 đã bảo toàn và bổ sung vốn Công ty.

1.4. Công tác tổ chức nhân sự

Tuyển dụng, đào tạo, quản lý nhân lực từng bước đáp ứng yêu cầu hoạt động SXKD của Công ty. Thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định của luật lao động. Công tác an ninh chính trị, an toàn trật tự trong công ty được bảo đảm.

1.5. Trách nhiệm đối với môi trường và xã hội

- Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 đã thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Hằng năm, định kỳ hàng quý Công ty thực hiện việc quan trắc môi trường theo đúng các quy định của pháp luật.
- CBCNV Công ty luôn đề cao tinh thần “Lá lành đùm lá rách”, “Tương thân tương ái” trợ giúp đồng bào gặp khó khăn khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh.

2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Tổng giám đốc Công ty

Kết quả giám sát của HĐQT với Tổng giám đốc như sau:

- Tổng giám đốc đã chủ động và nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ và chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ đề ra. Trong quá trình điều hành, Tổng giám đốc luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, vượt qua khó khăn để triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020. Phát triển, mở rộng thị trường, tìm kiếm việc làm cho người lao động, tăng doanh thu và lợi nhuận.
- Triển khai thực hiện các công việc xây dựng Nhà máy Dược phẩm Trung Ương 3 – Tràng Duệ giai đoạn 1 và đưa Nhà máy vào hoạt động sản xuất.
- Trong năm 2020, Tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin đầy đủ, minh bạch theo đúng các quy định của pháp luật.
- Trong quá trình triển khai thực hiện khi phát sinh khó khăn trong công tác điều hành, Tổng giám đốc đã báo cáo HĐQT. Căn cứ tình hình thực tế, HĐQT đã xem xét, đánh giá để đưa ra hướng giải quyết nhanh chóng, kịp thời đảm bảo hoạt động của Công ty theo đúng định hướng.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị tiếp tục chủ trương phát triển Công ty theo định hướng phát triển bền vững dựa trên nguyên tắc cẩn trọng, hiệu quả với một số mục tiêu chính như sau:

- Phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ thường niên 2021 đề ra.
- Để phát triển và kiện toàn hệ thống bán hàng, Công ty tiến hành xây dựng Chi nhánh Đà Nẵng và dự kiến trong Quý IV năm 2021 sẽ hoàn thành việc xây dựng và hoàn tất các thủ tục pháp lý để đưa Chi nhánh vào hoạt động.
- Đầu tư mua đất để thành lập các chi nhánh trong tương lai, ưu tiên lựa chọn 3 khu vực:
 - + Miền Tây Nam Bộ
 - + Tây Nguyên
 - + Bắc Miền Trung

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

- Tiếp tục xây dựng Công ty theo hướng phát triển, tự chủ ngày càng cao, bổ sung cơ sở vật chất các Chi nhánh của Công ty để tiếp tục mở rộng hệ thống tiêu thụ sản phẩm.

- Đầu tư xây dựng nhà xưởng nâng cao năng lực sản xuất, nghiên cứu phát triển sản phẩm, áp dụng những công cụ hiện đại và những thông lệ tốt để hoàn thiện công tác quản trị công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng Quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ/ Đại diện sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Bùi Xuân Hương	Chủ tịch HĐQT	548.720	6,38%
2	Ông Nguyễn Đình Khải	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	1.194.940	13,89%
3	Ông Đinh Văn Cường	Thành viên HĐQT	479.668	5,58%
4	Ông Nguyễn Thanh Tuấn	Thành viên HĐQT	832.331	9,68%
5	Bà Nguyễn Hồng Nhung Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP : bà Nguyễn Hồng Nhung đại diện sở hữu	Thành viên HĐQT	1.898.435	22,075%

b. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2020, Hội đồng Quản trị có tất cả 07 cuộc họp với sự tham dự đầy đủ của các thành viên.

Nội dung và kết quả của các cuộc họp Hội đồng Quản trị:

Phiên họp	Nội dung Nghị quyết
Quý I 20/03/2020	- Kết quả SXKD năm 2019, các chỉ tiêu dự kiến về kế hoạch SXKD năm 2020 - Gia hạn tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
Quý II	14/05/2020 - Kết quả SXKD Quý 1/2020, kế hoạch SXKD trình ĐHCĐ 2020 và các công tác đầu tư. - Chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHCĐ thường niên năm 2020 và tạm ứng cổ tức bằng tiền năm 2019
	05/06/2020 Thông qua các tài liệu họp ĐHCĐ 2020
	22/06/2020 Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT tại Đại hội; công tác đầu tư trang thiết bị đợt 3 cho Nhà máy Dược phẩm Trung Ương 3 – Trảng Duệ và điều chỉnh Quy chế tiền lương.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

	30/06/2020	Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho các báo cáo tài chính năm 2020
Quý III	29/09/2020	Kết quả SXKD Quý II/2020 và 09 tháng đầu năm 2020; công tác đầu tư trang thiết bị đợt 4 cho Nhà máy Dược phẩm Trung Ương 3 – Trảng Duệ
Quý IV	13/11/2021	Kết quả SXKD 09 tháng năm 2020; xây dựng kế hoạch SXKD năm 2021; Điều chỉnh, bổ sung Quy chế tiền lương Công ty

2. Ban kiểm soát

Năm 2020, Ban kiểm soát đã có 02 cuộc họp được tổ chức theo đúng các quy định của Pháp luật với sự tham gia đầy đủ của các thành viên.

Nội dung và kết quả của các cuộc họp Ban kiểm soát:

Thời gian	Nội dung
10/06/2020	+ BC KQ hoạt động của HĐQT và Ban TGD năm 2019 + Công tác đầu tư XD nhà máy Trảng Duệ năm 2019. + KQ HDSXKD năm 2019. + Kế hoạch của BKS cho Đại hội cổ đông thường niên năm 2020.
25/12/2020	+ Tình hình hoạt động của HĐQT và Ban TGD trong năm 2020. + Tiến độ xây dựng và công tác đầu tư Nhà máy DP3 - Trảng Duệ + BC quyết toán chi phí các hạng mục Nhà máy DP3 - Trảng Duệ + BC kế hoạch vật tư, tình hình nhân sự và các chế độ khác của Công ty. + Kế hoạch của BKS trong năm 2021.

3. Thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

- Thù lao của Hội đồng Quản trị:

Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 đã thông qua việc chi trả thù lao năm 2019 cho HĐQT bằng 3% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, thù lao của các thành viên HĐQT được nhận như sau:

Ông Bùi Xuân Hưởng – Chủ tịch	: 590.869.853 VNĐ
Ông Đinh Văn Cường – Thành viên	: 472.695.882 VNĐ
Ông Nguyễn Đình Khái – Thành viên	: 472.695.882 VNĐ
Bà Nguyễn Hồng Nhung – Thành viên	: 472.695.882 VNĐ
Ông Nguyễn Thanh Tuấn – Thành viên	: 472.695.882 VNĐ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Các chi phí hoạt động của HĐQT căn cứ theo các quy chế hiện hành của Công ty.

- Thù lao của Ban kiểm soát:

Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 đã thông qua việc chi trả thù lao năm 2019 cho BKS bằng 1% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, thù lao của các thành viên BKS được nhận như sau:

Bà Trương Thị Nguyệt Hoa – Trưởng BKS : 318.160.690 VNĐ

Ông Trần Anh Tuấn – Thành viên : 254.528.522 VNĐ

Ông Lê Văn Hùng – Thành viên : 254.528.522 VNĐ

- Lương, thưởng của Tổng giám đốc: 1.188.546.519 VNĐ

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến của kiểm toán

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: được đính kèm báo cáo thường niên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đình Hải

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	1
1. Thông tin khái quát.....	1
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	2
3. Thông tin về mô hình quản trị, bộ máy quản lý	3
4. Định hướng phát triển.....	4
5. Các rủi ro	5
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	6
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	6
2. Tổ chức và nhân sự.....	6
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	8
4. Tình hình tài chính.....	8
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	9
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	10
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	14
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh so với kế hoạch và so với cùng kỳ	14
2. Tình hình tài chính.....	14
3. Kế hoạch phát triển trong tương lai	14
4. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	14
5. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động	19
6. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương	20
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	20
1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	20
2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Tổng giám đốc Công ty.....	21
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị.....	21
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	22
1. Hội đồng Quản trị.....	22
2. Ban kiểm soát.....	23
3. Thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.....	23
VI. Báo cáo tài chính.....	24
1. Ý kiến của kiểm toán	24
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: được đính kèm báo cáo thường niên	24



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
(đã được kiểm toán)



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-35
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 (gọi tắt là Công ty) tiền thân là Xí nghiệp Dược phẩm Trung Ương 3 thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam và được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 4688/2003/QĐ-BYT ngày 01/09/2003 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Công ty hiện nay hoạt động theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0203000632 ngày 01 tháng 12 năm 2003, thay đổi lần thứ 12 ngày 18 tháng 06 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Xuân Hương	Chủ tịch
Bà Nguyễn Hồng Nhung	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Tuấn	Ủy viên
Ông Nguyễn Đình Khải	Ủy viên
Ông Đinh Văn Cường	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đình Khải	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trương Thị Nguyệt Hoa	Trưởng ban
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên
Ông Lê Văn Hùng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Đình Khải

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 được lập ngày 29 tháng 01 năm 2021, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Dương Quân Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1686-2018-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		254.810.843.838	242.392.502.054
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	40.917.711.483	54.508.066.731
111	1. Tiền		20.917.711.483	19.508.066.731
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.000.000.000	35.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	120.000.000.000	105.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		120.000.000.000	105.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		34.175.095.104	22.189.372.618
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	24.109.916.632	15.619.521.276
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	8.187.287.743	5.932.025.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.965.316.097	730.336.453
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(169.597.946)	(169.597.946)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		82.172.578	77.087.835
140	IV. Hàng tồn kho	9	56.385.491.737	56.087.485.175
141	1. Hàng tồn kho		56.385.491.737	56.087.485.175
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.332.545.514	4.607.577.530
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	48.825.293	88.594.580
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.261.328.483	4.469.720.212
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	22.391.738	49.262.738
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		186.548.207.698	126.788.177.217
220	II. Tài sản cố định		82.942.137.210	87.194.391.444
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	77.128.259.510	81.380.513.744
222	- Nguyên giá		144.899.497.910	141.914.127.499
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(67.771.238.400)	(60.533.613.755)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	5.813.877.700	5.813.877.700
228	- Nguyên giá		5.813.877.700	5.813.877.700
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		65.364.157.409	106.866.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	65.364.157.409	106.866.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		38.241.913.079	39.486.919.773
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	38.241.913.079	39.486.919.773
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		441.359.051.536	369.180.679.271

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		94.911.003.392	67.493.744.054
310	I. Nợ ngắn hạn		94.911.003.392	67.493.744.054
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	23.879.798.099	14.567.060.943
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	7.862.976.698	645.711.582
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	12.545.878.122	9.440.332.505
314	4. Phải trả người lao động		27.213.821.083	23.801.265.702
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	2.022.129.128	2.069.883.550
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	3.675.953.343	1.801.676.409
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	5.378.000.000	8.458.801.000
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		12.332.446.919	6.709.012.363
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		346.448.048.144	301.686.935.217
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	346.448.048.144	301.686.935.217
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		86.000.000.000	86.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		86.000.000.000	86.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		97.658.827.900	97.658.827.900
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		18.558.524.419	14.422.435.451
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		144.230.695.825	103.605.671.866
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		30.170.187.168	20.883.892.500
421b	LNST chưa phân phối năm nay		114.060.508.657	82.721.779.366
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		441.359.051.536	369.180.679.271

Trần Thị Hà Thu
Người lập

Trần Thị Hà Thu
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Khái
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	411.840.963.928	423.629.762.214
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	16.119.539.535	12.825.471.468
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		395.721.424.393	410.804.290.746
11	4. Giá vốn hàng bán	23	122.005.940.597	148.763.373.679
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		273.715.483.796	262.040.917.067
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	12.005.783.855	3.019.423.815
22	7. Chi phí tài chính	25	2.910.906.238	2.459.968.811
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.969.222.640	1.165.217.633
25	8. Chi phí bán hàng	26	82.264.987.130	110.840.643.790
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	58.118.148.621	48.323.109.405
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		142.427.225.662	103.436.618.876
31	11. Thu nhập khác	28	921.454.132	832.227.236
32	12. Chi phí khác	29	389.047.547	693.325.755
40	13. Lợi nhuận khác		532.406.585	138.901.481
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		142.959.632.247	103.575.520.357
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	28.899.123.590	20.853.740.991
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>114.060.508.657</u>	<u>82.721.779.366</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	12.600	9.410



Trần Thị Hà Thu
Người lập



Trần Thị Hà Thu
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Khải
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		416.139.803.212	446.411.224.803
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(170.344.792.957)		(297.403.978.180)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(75.530.247.285)		(50.187.238.507)
04	4. Tiền lãi vay đã trả	(1.976.019.976)		(1.204.211.411)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(25.853.740.992)		(20.282.379.790)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	1.479.799.698		4.260.801.217
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(21.553.478.908)		(14.191.965.877)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		122.361.322.792	67.402.252.255
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(68.242.661.820)		(615.603.276)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(320.000.000.000)		(151.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	305.000.000.000		46.000.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	10.554.902.087		2.949.095.048
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(72.687.759.733)	(102.666.508.228)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	90.280.000.000
33	2. Tiền thu từ đi vay	64.042.983.100		25.867.220.860
34	3. Tiền trả nợ gốc vay	(67.123.784.100)		(27.767.220.860)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(60.179.604.450)		(42.987.440.050)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(63.260.405.450)	45.392.559.950
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(13.586.842.391)	10.128.303.977
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		54.508.066.731	44.380.472.302
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(3.512.857)	(709.548)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		40.917.711.483	54.508.066.731



Trần Thị Hà Thu

Trần Thị Hà Thu

Trần Thị Hà Thu
Người lập

Trần Thị Hà Thu
Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Khái
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 01 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 (gọi tắt là Công ty) tiền thân là Xí nghiệp Dược phẩm Trung Ương 3 thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam và được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 4688/2003/ QĐ-BYT ngày 01/09/2003 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Công ty hiện nay hoạt động theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0203000632 ngày 01 tháng 12 năm 2003, thay đổi lần thứ 12 ngày 18 tháng 06 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 86.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 86.000.000.000 đồng; tương đương 8.600.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 313 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 288 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thuốc và dịch vụ thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh dược phẩm, hóa chất, mỹ phẩm, thực phẩm bổ dưỡng;
- Kinh doanh, nuôi trồng, chế biến dược liệu;
- Buôn bán máy móc, thiết bị y tế.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh tại Hà Nội	Ô đất số 6, dãy B, lô TT5B, Dự án Tây Nam Hồ Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội	Kinh doanh thuốc và dịch vụ thương mại.
Chi nhánh tại Thành Phố Hồ Chí Minh	Phòng 1 tầng trệt, Lầu 1, 90/14 Trần Văn Ôn, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh	Kinh doanh thuốc và dịch vụ thương mại.
Chi nhánh tại Hải Phòng	Số 16 đường Lê Đại Hành, Quận Hồng Bàng, TP.Hải Phòng	Kinh doanh thuốc và dịch vụ thương mại.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau: Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------------|----------------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 30 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm |
| - Quyền sử dụng đất | Không trích khấu hao |

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

2.24 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc, chiếm toàn bộ doanh thu của Công ty và chủ yếu diễn ra toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	268.051.263	801.972.960
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.649.660.220	18.706.093.771
Các khoản tương đương tiền	20.000.000.000	35.000.000.000
	40.917.711.483	54.508.066.731

Tại ngày 31/12/2020, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng có giá trị 20.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Á Châu-CN Hải Phòng với lãi suất là 3,5%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	120.000.000.000	-	105.000.000.000	-
	120.000.000.000	-	105.000.000.000	-

Tại ngày 31/12/2020, các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có giá trị 120.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Sacombank - CN Hải Phòng và Ngân hàng TMCP TPBank - CN Hải Phòng với lãi suất từ 5,7%/năm đến 6%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Y tế	2.828.280.420		2.641.637.250	
- Công ty TNHH Dược phẩm Hòa Phát	-	-	394.808.796	-
- Công ty TNHH Đại Bắc	2.993.468.940	-	1.509.657.765	-
- Công ty TNHH Đầu tư Dược phẩm Minh Đức	760.382.490	-	625.679.567	-
- Công ty TNHH PAKID Việt Nam	615.600.720	-	1.064.802.920	-
- Phải thu khách hàng khác	16.912.184.062	(169.597.946)	9.382.934.978	(169.597.946)
	24.109.916.632	(169.597.946)	15.619.521.276	(169.597.946)

b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	-	-	1.509.657.765	-
--	---	---	----------------------	---

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)***6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel	-	-	1.000.000.000	-
- Công ty cổ phần Xây lắp Hải Long	-	-	4.288.550.000	-
- Công ty Cổ phần Thiết bị MPM	6.477.238.900	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	1.710.048.843	-	643.475.000	-
	8.187.287.743	-	5.932.025.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.581.630.137	-	132.397.260	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	37.967.078	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	8.474.822	-	-	-
Tạm ứng	2.005.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	132.980.080	-	214.650.442	-
Phải thu khác	240.226.058	-	345.321.673	-
	1.965.316.097	-	730.336.453	-

8 . NỢ XẤU

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Minh	109.800.000	-	109.800.000	-
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 1	59.797.946	-	59.797.946	-
	169.597.946	-	169.597.946	-

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	34.468.188.333	-	33.740.406.021	-
Công cụ, dụng cụ	81.962.119	-	56.970.855	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.284.273.544	-	8.125.643.751	-
Thành phẩm	16.551.067.741	-	14.164.464.548	-
	56.385.491.737	-	56.087.485.175	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
- Dự án Nhà máy Dược phẩm Trung Ương 3 - Trảng Duệ	65.364.157.409	106.866.000
	<u><u>65.364.157.409</u></u>	<u><u>106.866.000</u></u>

Thông tin về dự án:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3;
- Mục đích xây dựng: xây dựng nhà máy sản xuất thuốc, sản xuất thực phẩm chức năng, sản xuất hóa - mỹ phẩm;
- Địa điểm xây dựng: Lô N1-2, Khu công nghiệp Trảng Duệ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Xã Hồng Phong, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng;
- Thời gian bắt đầu triển khai và thời gian dự kiến hoàn thành: Dự án được triển khai từ năm 2019 và dự kiến hoàn thành trong năm 2020;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2020: Đã hoàn thiện xong phần nhà xưởng, phần điện lạnh và đang hoàn thiện lắp đặt thiết bị, máy móc. Hiện tại đang chờ cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn của Cục quản lý Dược và dự kiến sẽ bắt đầu thực hiện sản xuất vào đầu Quý I/2021.

(Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 34).

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	83.868.258.486	46.280.061.859	7.727.210.187	4.038.596.967	141.914.127.499
- Mua trong năm	-	-	1.955.063.638	1.030.306.773	2.985.370.411
Số dư cuối năm	83.868.258.486	46.280.061.859	9.682.273.825	5.068.903.740	144.899.497.910
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	17.768.821.606	34.000.494.919	5.619.893.128	3.144.404.102	60.533.613.755
- Khấu hao trong năm	2.745.583.247	3.211.442.868	989.464.185	291.134.345	7.237.624.645
Số dư cuối năm	20.514.404.853	37.211.937.787	6.609.357.313	3.435.538.447	67.771.238.400
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	66.099.436.880	12.279.566.940	2.107.317.059	894.192.865	81.380.513.744
Tại ngày cuối năm	63.353.853.633	9.068.124.072	3.072.916.512	1.633.365.293	77.128.259.510

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 27.725.251.361 đồng.

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại các địa chỉ: Ô đất số 6 dãy B, Lô TT5B, Dự án Tây Nam Hồ Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội; Số 90/14 Trần Văn On, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; Khu dân cư Trung Nghĩa, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng với nguyên giá lần lượt là 3.057.600.000 đồng; 1.399.472.000 đồng và 1.356.805.700 đồng. Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	48.825.293	88.594.580
	48.825.293	88.594.580
b) Dài hạn		
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng Dự án Nhà máy Tràng Duệ (*)	36.895.063.608	37.739.988.729
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.346.849.471	1.746.931.044
	38.241.913.079	39.486.919.773

(*) Chi phí thuê đất và cơ sở hạ tầng tại Lô N1-2 Khu công nghiệp Tràng Duệ, Xã Hồng Phong, Huyện An Dương, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Thành phố Hải Phòng với diện tích 18.455,5 m² theo Hợp đồng số 102/HĐTD&CSHT-TD/2018 ngày 27/12/2018 giữa Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 và Công ty Cổ phần khu công nghiệp Sài Gòn – Hải Phòng. Theo đó, thời hạn thuê tính từ ngày ký hợp đồng đến ngày 27/08/2064, Công ty thanh toán tiền thuê cơ sở hạ tầng trả trước một lần cho toàn bộ thời hạn thuê.

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư âm				
- Công ty Cổ phần Thương mại Dược liệu Sơn Tùng	3.006.652.500	3.006.652.500	2.633.092.434	2.633.092.434
- Công ty TNHH Suheung Việt Nam	635.775.000	635.775.000	1.246.890.000	1.246.890.000
- Công ty TNHH Sản xuất Bao bì và Thương mại Đức Thành	1.582.547.758	1.582.547.758	1.143.995.963	1.143.995.963
- Nguyễn Thị Thanh	1.120.258.820	1.120.258.820	1.276.567.900	1.276.567.900
- Công ty Cổ phần Xây Lắp Hải Long	5.801.400.000	5.801.400.000	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	11.733.164.021	11.733.164.021	8.266.514.646	8.266.514.646
	23.879.798.099	23.879.798.099	14.567.060.943	14.567.060.943

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hòa Phát	7.543.714.824	-
Người mua trả tiền trước khác	319.261.874	645.711.582
	7.862.976.698	645.711.582

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	272.660.814	1.293.063.277	1.293.880.027	-	271.844.064
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	862.711.865	862.711.865	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	8.853.740.991	28.899.123.590	25.853.740.992	-	11.899.123.589
Thuế Thu nhập cá nhân	-	293.366.071	9.378.252.647	9.302.804.403	-	368.814.315
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	49.262.738	-	51.643.273	24.772.273	22.391.738	-
Các loại thuế khác	-	20.564.629	63.665.306	78.133.781	-	6.096.154
	49.262.738	9.440.332.505	40.548.459.958	37.416.043.341	22.391.738	12.545.878.122

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	-	6.797.336
- Trích trước theo hợp đồng dịch vụ	-	1.246.776.182
- Chi phí trích trước trả thưởng cho nhà phân phối	1.782.287.208	-
- Chi phí phải trả khác	239.841.920	816.310.032
	<u>2.022.129.128</u>	<u>2.069.883.550</u>

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
- Tài sản thừa chờ giải quyết	444.534.675	552.112.934
- Kinh phí công đoàn	194.570.168	173.625.496
- Bảo hiểm y tế	70.206.200	35.347.300
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	250.249.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	150.654.800	130.259.250
- Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	2.500.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	65.738.500	910.331.429
	<u>3.675.953.343</u>	<u>1.801.676.409</u>

18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2020		Trong năm		31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	5.400.000.000	5.400.000.000	64.042.983.100	64.064.983.100	5.378.000.000	5.378.000.000
- Vay cá nhân (*)	5.400.000.000	5.400.000.000	6.278.000.000	6.300.000.000	5.378.000.000	5.378.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín- Chi nhánh Hải Phòng	-	-	57.764.983.100	57.764.983.100	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	3.058.801.000	3.058.801.000	-	3.058.801.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng	3.058.801.000	3.058.801.000	-	3.058.801.000	-	-
	8.458.801.000	8.458.801.000	64.042.983.100	67.123.784.100	5.378.000.000	5.378.000.000
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng	3.058.801.000	3.058.801.000	-	3.058.801.000	-	-
	3.058.801.000	3.058.801.000	-	3.058.801.000	-	-

(*) Khoản vay từ cán bộ công nhân viên để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh với kỳ hạn 12 tháng, lãi suất từ 4%/năm đến 8%/năm. Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 5.378.000.000 đồng.

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	68.000.000.000	25.748.527.500	10.419.268.227	76.694.027.618	180.861.823.345
Tăng vốn trong năm trước	18.000.000.000	71.910.300.400	-	-	89.910.300.400
Lãi trong năm trước	-	-	-	82.721.779.366	82.721.779.366
Phân phối lợi nhuận	-	-	4.003.167.224	(55.810.135.118)	(51.806.967.894)
Số dư cuối năm trước	86.000.000.000	97.658.827.900	14.422.435.451	103.605.671.866	301.686.935.217
Số dư đầu năm nay	86.000.000.000	97.658.827.900	14.422.435.451	103.605.671.866	301.686.935.217
Lãi trong năm nay	-	-	-	114.060.508.657	114.060.508.657
Phân phối lợi nhuận	-	-	4.136.088.968	(73.435.484.698)	(69.299.395.730)
Số dư cuối năm nay	86.000.000.000	97.658.827.900	18.558.524.419	144.230.695.825	346.448.048.144

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 683/2020/NQ - ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 06 năm 2020, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	82.721.779.366
Trích Quỹ đầu tư phát triển	5,00%	4.136.088.968
Trích thù lao Hội đồng Quản trị; Ban kiểm soát	4,00%	3.308.871.175
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7,00%	5.790.524.556
Chi trả cổ tức (bằng 70% vốn điều lệ)	72,77%	60.200.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	11,23%	9.286.294.667

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	22,07%	18.984.350.000	22,07%	18.984.350.000
Bùi Xuân Hương	6,38%	5.487.200.000	6,38%	5.487.200.000
Đinh Văn Cường	5,58%	4.796.680.000	5,58%	4.796.680.000
Nguyễn Đình Khải	13,89%	11.949.400.000	13,89%	11.949.400.000
Nguyễn Thanh Tuấn	9,68%	8.323.310.000	9,68%	8.323.310.000
Các cổ đông khác	42,40%	36.459.060.000	42,40%	36.459.060.000
	100%	86.000.000.000	100%	86.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	86.000.000.000	68.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	18.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	<u>86.000.000.000</u>	<u>86.000.000.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	130.259.250	117.699.300
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	60.200.000.000	43.000.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	60.200.000.000	43.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(60.179.604.450)	(42.987.440.050)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	<u>(60.179.604.450)</u>	<u>(42.987.440.050)</u>
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<u>150.654.800</u>	<u>130.259.250</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.600.000	8.600.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	8.600.000	8.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.600.000	8.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.600.000	8.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.600.000	8.600.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	18.558.524.419	14.422.435.451
	<u>18.558.524.419</u>	<u>14.422.435.451</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**a) Ngoại tệ các loại**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	34.935,00	17.271,27

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xóa theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông	641.074.953	641.074.953

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm và cung cấp dịch vụ	411.840.963.928	423.629.762.214
	<u>411.840.963.928</u>	<u>423.629.762.214</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)	<u>-</u>	<u>28.278.186.010</u>

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	13.957.256.476	10.049.728.190
Hàng bán bị trả lại	2.162.283.059	2.774.790.897
Giảm giá hàng bán	-	952.381
	<u>16.119.539.535</u>	<u>12.825.471.468</u>

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán, dịch vụ đã cung cấp	122.005.940.597	148.763.373.679
	<u>122.005.940.597</u>	<u>148.763.373.679</u>

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	12.004.134.964	3.019.423.815
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.648.891	-
	<u>12.005.783.855</u>	<u>3.019.423.815</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.969.222.640	1.165.217.633
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	938.170.741	1.265.217.651
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.512.857	28.823.979
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	709.548
	2.910.906.238	2.459.968.811

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	635.160.669	533.325.613
Chi phí nhân công	33.791.255.221	20.262.327.529
Chi phí khấu hao tài sản cố định	347.032.559	238.817.036
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.114.960.853	83.953.894.898
Chi phí khác bằng tiền	9.376.577.828	5.852.278.714
	82.264.987.130	110.840.643.790

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.636.720.342	1.447.019.380
Chi phí nhân công	40.971.153.216	33.135.539.715
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.240.402.416	2.304.923.054
Thuế, phí, lệ phí	524.216.259	362.760.626
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.357.538.577	7.546.869.110
Chi phí khác bằng tiền	4.388.117.811	3.525.997.520
	58.118.148.621	48.323.109.405

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập từ tiền cho thuê nhà xe, gửi xe, điện nước	365.273.996	767.663.956
Thu nhập khác	556.180.136	64.563.280
	921.454.132	832.227.236

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Các khoản bị phạt	-	7.697.694
Xử lý tài sản thừa	-	63.110.002
Chi phí khác	389.047.547	622.518.059
	389.047.547	693.325.755

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	142.959.632.247	103.575.520.357
Các khoản điều chỉnh tăng	1.535.985.705	693.184.596
- Chi phí không hợp lệ	1.534.336.814	693.184.596
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	1.648.891	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	144.495.617.952	104.268.704.953
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	28.899.123.590	20.853.740.991
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	8.853.740.991	8.282.379.790
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(25.853.740.992)	(20.282.379.790)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	11.899.123.589	8.853.740.991

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	114.060.508.657	82.721.779.366
Các khoản điều chỉnh:	(5.703.025.432)	(5.790.524.555)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế	(5.703.025.432)	(5.790.524.555)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	108.357.483.225	76.931.254.811
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.600.000	8.175.890
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.600	9.410

Công ty dự tính trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 với giá định tỷ lệ trích lập là 5% và với năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 là 7% lợi nhuận sau thuế.

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	99.203.260.313	120.040.001.365
Chi phí nhân công	89.278.826.334	69.073.235.381
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.237.624.645	8.301.297.385
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.448.732.499	92.062.012.078
Chi phí khác bằng tiền	14.761.414.796	15.731.758.609
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	261.929.858.587	305.208.304.818

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.917.711.483	-	54.508.066.731	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	26.075.232.729	(169.597.946)	16.349.857.729	(169.597.946)
Các khoản cho vay	120.000.000.000	-	105.000.000.000	-
	186.992.944.212	(169.597.946)	175.857.924.460	(169.597.946)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	5.378.000.000	8.458.801.000
Phải trả người bán, phải trả khác	27.555.751.442	16.368.737.352
Chi phí phải trả	2.022.129.128	2.069.883.550
	34.955.880.570	26.897.421.902

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.917.711.483	-	-	40.917.711.483
Phải thu khách hàng, phải thu khác	25.905.634.783	-	-	25.905.634.783
Các khoản cho vay	120.000.000.000	-	-	120.000.000.000
	186.823.346.266	-	-	186.823.346.266
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.508.066.731	-	-	54.508.066.731
Phải thu khách hàng, phải thu khác	16.180.259.783	-	-	16.180.259.783
Các khoản cho vay	105.000.000.000	-	-	105.000.000.000
	175.688.326.514	-	-	175.688.326.514

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Vay và nợ	5.378.000.000	-	-	5.378.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	27.555.751.442	-	-	27.555.751.442
Chi phí phải trả	2.022.129.128	-	-	2.022.129.128
	<u>34.955.880.570</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>34.955.880.570</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	8.458.801.000	-	-	8.458.801.000
Phải trả người bán, phải trả khác	16.368.737.352	-	-	16.368.737.352
Chi phí phải trả	2.069.883.550	-	-	2.069.883.550
	<u>26.897.421.902</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>26.897.421.902</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . THÔNG TIN KHÁC

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 539/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/05/2019 và tờ trình số 475/TTr-HĐQT ngày 06/05/2019 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, Công ty chủ trương đầu tư xây dựng dự án "Nhà máy Dược phẩm Trung ương 3 - Trảng Duệ" tại Lô N1-2, Khu công nghiệp Trảng Duệ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Xã Hồng Phong, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6483048176 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp ngày 09/07/2019, mục tiêu thực hiện dự án là xây dựng nhà máy sản xuất thuốc, sản xuất thực phẩm chức năng, sản xuất hóa - mỹ phẩm với quy mô đầu tư 18.455,5 m2. Tổng vốn đầu tư dự án là 435 tỷ đồng, thời gian hoạt động của dự án là 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Dự án được tiến hành theo từng giai đoạn và bắt đầu từ năm 2019 với phương thức Công ty tự chủ động đầu tư và có thể tìm kiếm đối tác liên doanh toàn phần hoặc từng phần.

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn
Ông Bùi Xuân Hường	Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Hồng Nhung	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Thanh Tuấn	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Đình Khải	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Cường	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Ủy viên HĐQT đến ngày 24/05/2019
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Ủy viên HĐQT đến ngày 24/05/2019
Công ty TNHH Đại Bắc	Công ty do ủy viên HĐQT Công ty - Ông Nguyễn Hữu Dũng làm Giám đốc (Không còn là Bên liên quan từ ngày 24/05/2019)

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu	-	28.278.186.010
Công ty TNHH Đại Bắc	-	28.278.186.010
Nhận vốn góp	-	49.963.435.200
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	-	5.568.736.800
Ông Bùi Xuân Hường	-	1.960.094.400
Ông Nguyễn Thanh Tuấn	-	37.121.498.400
Ông Nguyễn Đình Khải	-	1.518.290.400
Ông Đinh Văn Cường	-	1.666.236.000
Ông Nguyễn Hữu Dũng	-	799.788.000
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	-	1.005.470.400
Công ty TNHH Đại Bắc	-	323.320.800

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu khách hàng	-	1.509.657.765
Công ty TNHH Đại Bắc	-	1.509.657.765



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3Số 16, Đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Hội Đồng Quản Trị		
Bùi Xuân Hường	1.522.716.400	1.110.698.428
Đình Văn Cường	472.695.882	475.504.966
Nguyễn Hồng Nhung	472.695.882	-
Nguyễn Thị Kim Thu	-	703.812.687
Nguyễn Hữu Dũng	-	472.504.966
Nguyễn Thanh Tuấn	783.122.122	160.166.087
Nguyễn Đình Khái	-	-
Ban Tổng Giám đốc		
Nguyễn Đình Khái	1.661.242.401	1.064.509.070

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Trần Thị Hà Thu
Người lập

Trần Thị Hà Thu
Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Khái
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 01 năm 2021

HÃNG KIỂM TOÁN AASC

AASC TẠI HÀ NỘI - TRỤ SỞ CHÍNH

T: (84) 24 3824 1990 | **F:** (84) 24 3825 3973

E: aasc@aasc.com.vn

A: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

AASC TẠI TP HỒ CHÍ MINH

T: (84) 28 3945 0505 - (84) 28 3945 0606 | **F:** (84) 28 3945 1106

E: aaschcm@aasc.com.vn

A: Tầng 3, Tòa nhà Galaxy 9, số 9 Nguyễn Khoái, Phường 1, Quận 4, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

AASC TẠI QUẢNG NINH

T: (84) 203 3627 571 | **F:** (84) 203 3627 572

E: aascqn@aasc.com.vn

A: Số 8 Chu Văn An, Hạ Long, Quảng Ninh, Việt Nam

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 01-2021/CV-TGD-DP3
V/v Giải trình chênh lệch lợi nhuận
sau thuế BCTC 2020 so với BCTC
năm 2019

Hải Phòng, ngày 16 tháng 03 năm 2021

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước .

Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Trước tiên Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 chân thành cảm ơn sự quan tâm hỗ trợ của các quý cơ quan trong thời gian qua.

Căn cứ khoản 2 Điều 11 Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài Chính quy định “Tổ chức niêm yết phải thực hiện công bố thông tin về Báo cáo tài chính năm trong 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo, trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có biến động 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước Công ty phải thực hiện giải trình rõ nguyên nhân xảy ra”. Thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính ngày 16/03/2021 Công ty cổ phần Dược Phẩm Trung ương 3 tiến hành công bố thông tin với nội dung Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán có kết quả như sau:

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019	So sánh năm 2020 với năm 2019	
		Chênh lệch	% CL
114.060.508.657	82.721.779.366	+31.338.729.291	+ 37.88%

Lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2020 tăng so với năm 2019 là 31.338.7 triệu đồng là do các nguyên nhân sau:

So với năm 2019 tổng các khoản doanh thu, thu nhập năm 2020 có giảm hơn so với năm 2019 là 4.186.6 triệu đồng, nhưng tổng các khoản chi phí giảm mạnh hơn so với sức giảm của doanh thu, cụ thể tổng chi phí giảm 35.525,3 triệu đồng dẫn đến kết quả năm 2020 Công ty vẫn có lợi nhuận sau thuế cao hơn năm 2019 là 31.338,7 triệu đồng, tương đương tăng 37,88%.



Trên đây là các ý kiến giải trình của Công ty về việc biến động lợi nhuận của Báo cáo tài chính năm 2020 so với Báo cáo tài chính năm 2019 đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội(HNX).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KTTK.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đình Khải

